TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2025/DS-ST
Ngày: 17 – 9 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Dương Nhanh.

2. Ông Ngô Quốc Tiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Phan Ngọc Điểm – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025, về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 109/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng C**.

Địa chỉ: Phố Đ, phường L, Thành phố Hà Nội (địa chỉ cũ: Phố Đ, phường L, quận M, Thành phố Hà Nội).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Thạch Thanh T**, chức vụ: Phó giám đốc Phòng Go dịch Ngân hàng C - X; địa chỉ: Ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Ấp P, xã T1, huyện X, tỉnh Sóc Trăng), đại diện uỷ quyền, theo Quyết định số 109/QĐ-NHCS ngày 02/7/2025 của Giám đốc Phòng Go dịch Ngân hàng C - X về việc uỷ quyền tham G tố tụng và thi hành án; (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Lâm Thị G**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp X, phường X, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Ấp X, thị trấn X, huyện X, tỉnh Sóc Trăng); (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Trần Văn V**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp X, phường X, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Ấp X, thị trấn X, huyện X, tỉnh Sóc Trăng); (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 24/02/2025 của nguyên đơn là Ngân hàng C và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đều trình bày:

Vào ngày 24/5/2013, Ngân hàng C cho bà Lâm Thị G vay số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) theo chương trình hộ nghèo. Các bên ký Hợp đồng vay vốn số 6000006200101972, thoả thuận lãi suất 0,65%/tháng, thời hạn vay 36 tháng; phương thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản và phải trả gốc 12 tháng/lần, lãi trả hàng tháng. Trong quá trình vay bà G đã trả tiền lãi được 3.474.634 đồng.

Đến ngày 24/02/2025, bà G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng mặc dù đã được đôn đốc, nhắc nhở thanh toán nợ, nhưng bà vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà G thực hiện nghĩa vụ trả nợ tổng số tiền là 17.282.095 đồng, trong đó gồm tiền gốc là 14.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 24/02/2025 là 3.282.095 đồng; đồng thời phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 24/02/2025 cho đến khi bà G trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng đã ký.

Trong Đơn yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt ngày 15/9/2025, ông Thạch Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và trình bày: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì tổng tiền lãi của bà G là 16.002.736 đồng trừ tiền lãi đã trả 3.474.634 đồng và được giảm tiền lãi 8.448.102 đồng do khoanh nợ, nên tiền lãi còn nợ là 4.080.000 đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà G phải trả ngay cho nguyên đơn tổng số nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm tức là ngày 17/9/2025 với số tiền là 18.080.000 đồng (Mười tám triệu không trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó gồm: Tiền gốc là 14.000.000 đồng và lãi là 4.080.000 đồng; bà G còn phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18/9/2025 cho đến khi trả xong nợ gốc và lãi theo hợp đồng đã ký. Ông Trần Văn V không tham G vay tiền nên bà G phải có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

2. Tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn bà Lâm Thị G trình bày:

Bà Lâm Thị G đồng ý với nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà có vay tiền của nguyên đơn Ngân hàng C với tiền gốc là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) và nợ tiền lãi như bên nguyên đơn trình bày là đúng.

Ông Trần Văn V là chồng bà. Ông V không biết bà vay tiền, chữ ký đứng tên Trần Văn V trong Sổ vay vốn không phải của ông V, còn ai ký giùm thì bà không nhớ. Số tiền vay bà dùng vào việc buôn bán nhỏ để có tiền nhằm phục vụ cho cá nhân bà, nên đây là nợ riêng của bà.

Do hoàn cảnh hiện nay của bà khó khăn, nên bà xin nguyên đơn cho trả dần với số tiền là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ.

3. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn V:

Ông Trần Văn V đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa

vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia tố tụng, nhưng ông V đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong biên bản ngày 15/9/2025 của Toà án ghi nhận việc không lấy lời khai của ông V được vì ông V cho rằng ông không biết việc vay tiền này của bà G, ông không ký tên vào hợp đồng vay tiền.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia tố tụng đầy đủ là chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung thì cho rằng nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn bà Lâm Thị G có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là 18.080.000 đồng (Mười tám triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Lâm Thị G trả lại tiền vay; do bị đơn có nơi thường trú và nơi ở hiện tại là ấp X, phường X, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Ấp X, thị trấn X, huyện X, tỉnh Sóc Trăng); nên đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng và Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng nay là Toà án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Ông Thạch Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn V đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai, nhưng đều vắng mặt không lý do và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ông V không có yêu cầu phản tố, mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Do việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, T diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng về nợ vay:

Bên nguyên đơn và bị đơn bà G đều thống nhất là nguyên đơn với bị đơn có ký kết Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay được Ngân hàng phê duyệt ngày 18/5/2013 và Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ số: 6000006200101972 ngày 24/5/2013, giữa bên cho vay: Ngân hàng C với bên vay: bà Lâm Thị G, người thừa kế là ông Trần Văn V vay chương trình hộ nghèo; số tiền cho vay là 14.000.000 đồng; lãi suất 0.650%/tháng, lãi suất quá hạn 0.845%/tháng; thời hạn vay 36 tháng; phương thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản và phải trả gốc 12 tháng/lần, lãi trả hàng tháng; tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/9/2025 thì bà G còn nợ nguyên đơn số tiền 18.080.000 đồng (Mười tám triệu không trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó gồm: Tiền gốc là 14.000.000 đồng và lãi là 4.080.000 đồng; ông Trần Văn V không tham G hợp đồng vay nên bà G phải có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử khẳng định nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng sự thật.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ thể hiện Ngân hàng đã giải ngân vào ngày 24/5/2013 cho bà G với số tiền là 14.000.000 đồng; tại phiên toà, bà G cũng thừa nhận là có vay tiền và còn nợ theo nội dung khởi kiện của nguyên đơn là đúng, đến nay khoản nợ vay này đã chuyển sang nợ quá hạn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà G trả tiền vay là phù hợp với quy định tại khoản 1 và 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Việc bà G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi là vi phạm Hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết, bà G có lỗi nên phải chịu mọi hậu quả theo hợp đồng và theo quy định của pháp luật. Mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tại thời điểm xác lập là phù hợp quy định pháp luật. Số tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn là đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bà G trả tiền vốn và tiền lãi nêu trên là có căn cứ chấp nhận, theo quy định tại Điều 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Từ những phân tích trên, cần buộc bà G có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/9/2025 là 18.080.000 đồng (Mười tám triệu không trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó gồm: Tiền gốc là 14.000.000 đồng và lãi là 4.080.000 đồng. Ông Trần Văn V không tham G hợp đồng vay nên bà G phải có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn. Bà G còn phải trả tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm tức là ngày 18/9/2025 cho đến khi bà G trả xong nợ gốc và lãi theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ mà các bên đã ký kết.

[3] Ông Trần Văn V cho rằng ông không biết việc vay tiền này của bà G, ông không ký tên vào Hợp đồng vay tiền; nguyên đơn cũng không có chứng cứ chứng minh được ông V có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay; nguyên đơn không yêu cầu ông V trả tiền, nên ông V không phải trả số tiền này.

[4] Như vậy, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Việc bà G xin trả nợ dần với số tiền là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ, nhưng không được nguyên đơn đồng ý, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm:

[5.1] Bà G có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn, đáng lẽ bà phải chịu án phí dân sự, nhưng bà G là người cao tuổi và thuộc trường hợp được miễn án phí sơ thẩm nên được miễn tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5.2] Ngân hàng C thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 357, 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 và 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm c khoản 1 Điều 11 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C.

Buộc bị đơn bà Lâm Thị G trả nợ cho Ngân hàng C, số tiền nợ vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/9/2025) tổng cộng là 18.080.000 đồng (Mười tám triệu không trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó gồm:

- Tiền gốc là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng).

- Tiền lãi là 4.080.000 đồng (Bốn triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức là ngày 18/9/2025), bà Lâm Thị G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán và khoản lãi khác theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay được Ngân hàng phê duyệt ngày 18/5/2013 và Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ số: 6000006200101972 ngày 24/5/2013 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong các Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ nêu trên mà các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân

hàng C, thì lãi suất mà bà Lâm Thị G phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng C.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bị đơn bà Lâm Thị G thuộc trường hợp được miễn án phí sơ thẩm nên không nộp tiền án phí sơ thẩm.

3.2. Ngân hàng C thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí, nên không nộp tạm ứng án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày Toà án tống đạt bản án theo quy định của pháp luật để yêu cầu giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ (Phòng Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra và Thi hành án);
- Lưu hồ sơ vụ án**.**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh